

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 599/2018/ HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2018

V/v Tranh chấp “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Phước Thuận

Bà Vũ Thị Hiệp

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thương – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/8/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2018/TLST-HNGĐ ngày 14/3/2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 299/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 157/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02/8/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Ngọc Q, sinh năm X; Cư trú tại: Đ, Phường B, Quận S, TP. Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: C, phường A, quận B, TP. Hồ Chí Minh - (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Giản Chí T, sinh năm Y; Cư trú tại: Đ, Phường B, Quận S, TP. Hồ Chí Minh; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/02/2018 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Dương Ngọc Q trình bày: Bà Dương Ngọc Q và ông Giản Chí T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992 có đăng ký kết hôn - Giấy chứng nhận kết hôn số 419 quyền số 02/92 ngày 28/12/1992 của UBND Quận S, TP. Hồ Chí Minh.

Vợ chồng sống chung tại nhà Đ, Phường B, Quận S, TP. Hồ Chí Minh; cùng với em ruột ông T là bà Giản A K và hai con là Giản Tuấn C, Giản Mỹ N.

Sau khi kết hôn khoảng ba năm thì ông T nhậu nhẹt không lo kinh tế gia đình, không chăm lo con cái, bà Q đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông T vẫn không thay đổi, trái lại ông T còn nhậu nhiều hơn, khi say sấn về lại gây sự chửi mắng, quậy phá đập đồ đạc trong nhà. Bà rất bất mãn nhưng vì các con bà nhẫn nhịn, những lần ông T gây sự bà đều im lặng vì khi bà nói lại ông T lại gây nhiều hơn, từ đó vợ chồng cũng không còn nói chuyện với nhau dù ở chung một nhà.

Đến khoảng năm 2013 các con đã lớn thì bà về nhà mẹ ruột ở, hai con vẫn ở lại nhà ông T, bà vẫn thường xuyên về thăm con nhưng đều tránh mặt không gặp ông T để tránh cự cãi, gây gổ nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà Q xin được ly hôn với ông Giản Chí T.

Về con chung: Có 02 con chung là Giản Tuấn C, sinh ngày 08/12/1992 và Giản Mỹ N, sinh ngày 10/11/1994, đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Giản Chí T vắng mặt tại phiên tòa, không có bản tự khai.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 419 quyền số 02/92 của Ủy ban nhân dân Quận S thì bà Dương Ngọc Q và ông Giản Chí T có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông T có đăng ký hộ khẩu và đang thực tế cư trú tại Quận S, thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà Q có đơn xin ly hôn nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 điều 51 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn là bà Dương Ngọc Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Về phía bị đơn, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, ông Giản Chí T vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Dương Ngọc Q và ông Giản Chí T.

[2] Về hôn nhân: Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp

đỡ nhau...”, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “...Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

HĐXX thấy rằng: Theo bà Q thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ sau khi kết hôn khoảng 03 năm, nguyên nhân là do thì ông T nhậu nhẹt không cùng bà lo kinh tế gia đình, không chăm lo con cái, thường gây sự chửi mắng, quậy phá đập đồ đạc trong nhà. Khoảng năm 2013, khi các con đã lớn thì bà về nhà mẹ ruột sống, vợ chồng ly thân cho đến nay

Về phía ông Giản Chí T, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý cho ông T về việc bà Q có đơn yêu cầu ly hôn ông. Tuy nhiên, từ khi nhận thông báo thụ lý đến nay ông T không có văn bản gửi Tòa án về ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà Q, cũng không đến Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, cho thấy mối quan hệ giữa ông T và bà Q đã không còn gắn bó, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đôi bên đã tự ly thân từ năm 2013 đến nay, ông T không còn tha thiết đến tình cảm vợ chồng, không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng; phía bà Dương Ngọc Q vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu của bà Q là thỏa đáng.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là Giản Tuấn C, sinh ngày 08/12/1992 và Giản Mỹ N, sinh ngày 10/11/1994, đều đã trưởng thành.

[4] Về tài sản chung: Bà Q khai không có. Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Bà Quyền khai không có, khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Bà Dương Ngọc Q phải chịu án phí theo quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 51, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH

14 ngày 30/12/2016); Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TUYÊN XỬ:

1/ Cho ly hôn giữa bà Dương Ngọc Q và ông Giản Chí T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 419 quyền số 02/92 của UBND Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

2/ Về con chung: Có 02 con chung là Giản Tuấn C, sinh ngày 08/12/1992 và Giản Mỹ N, sinh ngày 10/11/1994 – Đã trưởng thành.

3/ Về chia tài sản: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

Về nợ chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Hai trăm ngàn đồng) do bà Dương Ngọc Q nộp được trừ 300.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Q đã nộp theo biên lai thu số 0028935 ngày 14/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S, TP. Hồ Chí Minh.

Bà Dương Ngọc Q và ông Giản Chí T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận S;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận S;
- UBND Quận S TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Minh Châu